

ĐƠN VỊ : TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN TRỰC

CHƯƠNG: 622 LOẠI: 070 KHOẢN: 072

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 9791/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân Quận 8)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

STT	Nội dung	Dự toán được giao
I.1	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
1	Số thu phí, lệ phí	-
1.1	Lệ phí	-
1.2	Phí	-
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0
2.1	Chi sự nghiệp	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.771.328.000
1	Chi quản lý hành chính	-
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	-
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	6.771.328.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
3.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Kinh phí chi thường xuyên chờ quyết định giao tự chủ)	3.836.916.000
	TIỀN LƯƠNG	1.514.104.000
6001	Lương theo ngạch bậc	1.514.104.000
	TIỀN CÔNG	144.000.000
6051	Tiền công trả theo hợp đồng (lương hợp đồng ND 68)	144.000.000
	PHỤ CẤP LƯƠNG	1.049.896.000
6101	Chức vụ	33.972.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	723.668.000
6113	Trách nhiệm	8.940.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	283.316.000
	CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP	464.217.000
6301	Bảo hiểm xã hội	345.694.000
6302	Bảo hiểm y tế	59.262.000
6303	Kinh phí công đoàn	39.508.000
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	19.754.000
	CÁC KHOẢN THANH TOÁN CÁ NHÂN	80.995.000
6449	Chi khác	45.000.000
6449	Chi khác (Hỗ trợ tiền thu nhập tăng thêm theo NQ03/2018/NQ-HĐND cho NV hợp đồng 68)	24.000.000
6449	Chi khác (tiền dạy tiết thực hành cho GV thể dục)	11.995.000
	THANH TOÁN DỊCH VỤ CÔNG CỘNG	133.500.000
6501	Thanh toán tiền điện	77.000.000
6502	Thanh toán tiền nước	49.000.000
6504	Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	7.500.000
	VẬT TƯ VĂN PHÒNG	39.804.000
6551	Văn phòng phẩm	27.804.000

STT	Nội dung	Dự toán được giao
6599	Vật tư văn phòng khác	12.000.000
	THÔNG TIN, TT, LIÊN LẠC	35.000.000
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet, thuê đường truyền mạng	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	35.000.000
	CÔNG TÁC PHÍ	30.000.000
6704	Khoản công tác phí	30.000.000
	CHI PHÍ THUÊ MUỐN	264.000.000
6757	Thuê lao động trong nước	264.000.000
	CHI PHÍ NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN NGÀNH	75.400.000
7001	Chi mua hàng hóa, vật tư chuyên môn	47.000.000
7004	Đồng phục, trang phục cho GV thể dục	2.000.000
7004	Đồng phục, trang phục cho GV tổng phụ trách	1.400.000
7049	Chi mua sách tham khảo, sách nghiệp vụ	25.000.000
6900	Sửa chữa TX TSCĐ CT C/MÔN Đ.TU, B/D C/TR CS HẠ TẦNG TỪ KP TX	5.000.000
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	5.000.000
7900	Chi cho các sự kiện	1.000.000
7949	Chi khác	1.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (kinh phí tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương nguồn 14)	101.077.000
6000	TIỀN LƯƠNG	63.144.000
6001	Lương theo ngạch bậc	63.144.000
6100	PHỤ CẤP LƯƠNG	20.153.000
6101	Chức vụ	653.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	15.000.000
6113	Trách nhiệm	500.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	4.000.000



STT	Nội dung	Dự toán được giao
6300	CÁC KHOẢN ĐÓNG GÓP	17.779.000
6301	Bảo hiểm xã hội	13.239.000
6302	Bảo hiểm y tế	2.270.000
6303	Kinh phí công đoàn	1.513.000
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	757.000
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.833.335.000
6100	Phụ cấp lương	287.544.000
6105	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	116.210.000
6112	Phụ cấp khác(Chế độ phụ cấp đối với giáo viên hòa nhập cho học sinh khuyết tật)	171.334.000
6150	Học bổng và hỗ trợ khác học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	64.150.000
6157	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập	64.150.000
6400	Các khoản thanh toán cá nhân	2.278.791.000
6449	Chi khác (Tiền lương giáo viên phổ cập)	72.000.000
6449	Chi khác (hỗ trợ viên chức công tác y tế)	5.400.000
6449	Chi trả thu nhập tăng thêm theo NQ03/18/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố	2.201.391.000
	Đ.TU, B/D C/TR CS HẠ TẦNG TỪ KP TX	168.000.000
6956	Tài sản và thiết bị văn phòng (Hệ thống camera)	60.000.000
6906	Chi mua h/hóa, vật tư chuyên môn (Máy điều hòa)	108.000.000
7750	<u>Chi khác</u>	34.850.000
7766	Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	34.850.000

KẾ TOÁN


Nguyễn Ngọc Danh

Quận 8, ngày 18 tháng 01 năm 2023


HIỆU TRƯỞNG
NGUYỄN THU VÂN

Lê Thị Thu Vân